TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-PT
Ngày: 16/5/2022
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Lương Quang

Ông Ngô Chịu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thúy An – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên***: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà 27 đường Đ, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 22 đường A, Khu phố T, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là Tổ 5, Khu phố T, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền nợ gốc 5.000.000đồng, tiền lãi trường hợp pháp luật cho tính (theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 22/12/2010).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt nên không trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 155; các điều 163, 166, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền theo giấy nhận nợ vay tiền lập ngày 22/12/2010 là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên bị đơn đều vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn bà S yêu cầu bị đơn bà H trả nợ gốc 5.000.000đồng và lãi theo quy định pháp luật. Hợp đồng vay được lập ngày 22/12/2010 các bên thỏa thuận trả góp 60 ngày, mỗi ngày góp 84.000đ, nếu quá 10 ngày không trả thì được quyền khởi kiện. Ngày 23/9/2020 nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu 03 năm khởi kiện về hợp đồng quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản" là phù hợp.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn: 22 đường A, KP. T, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên. *(nay là Tổ 5, KP. T, phường 7, TP. T, tỉnh Phú Yên).* Tuy nhiên qua xác minh, bị đơn bà H bỏ địa phương đi mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết, là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tại cấp phúc thẩm, bà H vẫn vắng mặt nơi cư trú nên căn cứ các Điều 5,6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về kháng cáo của nguyên đơn bà S: Yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan công an để truy tố bị đơn bà H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà S cung cấp bản gốc giấy nhận nợ vay tiền ngày 22/12/2010 với số tiền nợ gốc là 5.000.000đ, có chữ ký xác nhận của bị đơn bà H. Bị đơn vắng mặt, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng đã hết nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc số tiền 5.000.000đồng nhưng không phải trả lãi là phù hợp. Theo nhận định tại mục [2], Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan công an để truy tố bị đơn bà H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4] Về án phí: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 155; các điều 163, 166, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2015 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền theo giấy nhận nợ vay tiền lập ngày 22/12/2010 là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà S số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007098 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004904 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND Tp T; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS TP T;
- P.KTNV-THA;
- Lưu:HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà